TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày: 17-02-2022
V/v Tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phùng Văn Luân
2. Ông Huỳnh Tấn Trãi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986
Địa chỉ: ấp B, xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền: Chị Huỳnh Hoàng Ph, sinh năm 1985
Địa chỉ: số 117/9 HV, Phường A, thành phố MTh, tỉnh Tiền Giang.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 24/02/2021)

- *Bị đơn:*
1/ Ông Hồ Văn L, sinh năm 1966
2/ Anh Hồ Văn M, sinh năm 1989
Cùng địa chỉ: ấp HQu, xã HTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.
3/ Bà Lê Thị T (đã chết)
Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T:

1/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1940
Địa chỉ: xã HPh, xã HTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.
2/ Ông Hồ Văn L, sinh năm 1966
3/ Anh Hồ Văn S, sinh năm 1987
4/ Anh Hồ Văn M, sinh năm 1989
Cùng địa chỉ: ấp HQu, xã HTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.
5/ Chị Hồ Thị L, sinh năm 1991
Địa chỉ: thôn C, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

(Chị Ph có mặt; ông L, anh M, bà K, anh S và chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 24 tháng 02 năm 2021, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Huỳnh Hoàng Ph trình bày như sau:

Anh Nguyễn Văn M có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị T làm chủ dây hụi 2.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khởi khui ngày 15/5/2018 (âm lịch), hụi gồm 29 phần, anh M tham gia 01 phần và đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 27 thì hụi bị ngừng do vào tháng 7/2020 (âm lịch) bà T tuyên bố vỡ hụi. Bà T còn nợ anh M 54.000.000đồng đến nay chưa trả.

Trong thời gian bà T làm chủ hụi, chồng và con bà T đều biết. Anh M có một số lần đưa tiền góp hụi cho ông L. Đồng thời, trong mỗi dây hụi đều có con của bà T là anh Hồ Văn M tham gia, lấy tên thường gọi là Bí. Khi bà T bể hụi, anh M đứng ra thỏa thuận với các hụi viên cách trả nợ và có hứa sẽ trả nợ cho bà T. Trước đây, ông L và anh M đã bán một phần đất để trả một phần nợ cho các hụi viên. Sau đó, gia đình bà T sang tên phần đất còn lại của bà T và ông L cho anh M thì anh M và ông L không đồng ý cùng bà T trả nợ tiếp.

Nay, anh M yêu cầu bà Lê Thị T, ông Hồ Văn L và anh Hồ Văn M liên đới trả số tiền hụi là 54.000.000đồng, yêu cầu trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Huỳnh Hoàng Ph đại diện cho anh Nguyễn Văn M trình bày như sau: Bà Lê Thị T chết ngày 23/4/2021, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm mẹ bà T là bà Nguyễn Thị K, chồng bà T là ông Hồ Văn L, các con bà T gồm anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M và chị Hồ Thị L. Do đó, nguyên đơn yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Văn L, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M và chị Hồ Thị L trên cơ sở di sản của bà T để lại cùng thực hiện nghĩa vụ của bà T liên đới cùng ông Hồ Văn L trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 54.000.000đồng, yêu cầu trả làm 01 lần

ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh M cùng trả.

* Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15 tháng 3 năm 2021, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của anh M về quá trình giao dịch và số tiền còn nợ lại. Bà đồng ý trả cho anh M số tiền hụi 54.000.000đồng nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình bà khó khăn và không còn tài sản để trả nợ nên khi nào có tiền bà sẽ trả.

Bà đã làm chủ hụi cách đây hơn 10 năm. Chồng và con của bà chỉ biết bà làm chủ hụi và biết một số người tham gia chơi hụi với bà nhưng không biết cụ thể bà chơi hụi như thế nào bởi vì giao dịch với các hụi viên là giao dịch riêng của bà và các hụi viên do bà tự thực hiện tại quán buôn bán riêng, còn chồng và con bà ở nhà chính có công việc và thu nhập riêng. Tiền thu nhập từ hụi bà chỉ choàng hụi cho các hụi viên không đóng hụi mà không đóng góp gì cho gia đình. Ông L làm ruộng, trồng khóm có thu nhập riêng, không biết gì về việc chơi hụi của bà. Nguyên đơn cho rằng con bà tên Hồ Văn M tên thường gọi là Bí chơi hụi là không đúng, thực chất các phần hụi mang tên là Bí là do bà tham gia không liên quan gì đến anh M. Do đó, bà đồng ý trả nợ cho nguyên đơn nhưng chỉ trách nhiệm cá nhân bà, không liên quan đến ông Hồ Văn L và anh Hồ Văn M.

Trước đây, khi mới bể hụi, bà có thông báo cho gia đình bà nhưng không báo chính xác số tiền nợ, gia đình bà nghĩ bà nợ ít nên gia đình thống nhất bán một phần đất của gia đình để trả nợ cho bà. Tuy nhiên, số tiền bán đất chỉ trả được một phần nợ cho các hụi viên trong đó có các hụi viên kiện bà. Sau đó, bà thông báo cho chồng con bà biết số tiền bán đất chỉ trả được một phần hụi, bà còn nợ số tiền rất lớn nên chồng và con bà không có khả năng giúp bà trả nợ tiếp. Bà cũng không xác định tổng số tiền nợ hụi của bà là bao nhiêu. Khi Tòa án mời làm việc công bố số nợ của bà thì chồng và con bà mới biết bà thiếu nợ nhiều. Nay, chồng và con bà không đồng ý trả nợ tiếp cho bà.

* Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16 tháng 3 năm 2021, bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T ông Hồ Văn L trình bày: Ông là chồng của bà Lê Thị T. Ông và bà T sống chung nhà nhưng bà T có cất quán buôn bán riêng nên thường xuyên ở quán buôn bán và giao dịch chơi hụi với các hụi viên. Ông trồng khóm nên thường không có mặt ở nhà, ông cũng không biết việc chơi hụi của bà T như thế nào. Ông sống bằng thu nhập từ trồng khóm tự lo cho gia đình, thu nhập từ hụi của bà T bà T không có đóng góp và cũng không mua sắm tài sản gì cho gia đình. Do đó, nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là giao dịch của bà T không có liên quan gì đến ông và con ông anh Hồ

Văn M, ông cũng không còn tài sản để trả nợ nên ông không đồng ý cùng bà T trả nợ cho hụi viên.

* Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T anh Hồ Văn M trình bày:

Anh là con của bà Lê Thị T. Anh và bà T sống chung nhà nhưng bà T có cất quán buôn bán nên thường xuyên ở quán buôn bán và giao dịch chơi hụi với các hụi viên. Anh có kinh tế riêng nên thường đi làm không có mặt ở nhà, anh cũng không biết việc chơi hụi của bà T như thế nào. Anh sống bằng thu nhập riêng tự lo cho gia đình, thu nhập từ hụi của bà T bà T không có đóng góp và cũng không mua sắm tài sản gì cho gia đình.

Anh cũng không tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi do anh không thích việc chơi hụi. Tên thường gọi của anh là Bí. Việc trong danh sách hụi có người tên Bí tham gia anh không biết là ai.

Về tài sản: Gia đình anh có tài sản chung là 02 phần đất, một phần khoảng 02 hecta và 01 phần 1,3hecta. Khi bà T bị vỡ hụi, gia đình thỏa thuận bán phần đất 02 hecta của gia đình để trả nợ cho bà T, đồng thời phải cắt phần đất còn lại chia cho các thành viên trong gia đình, trong đó có anh. Do đó, các thành viên trong gia đình làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho anh. Anh đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc này đã thực hiện rất lâu nhưng không có ai ngăn cản gì nên là hợp pháp. Trước đây, khi mới vỡ hụi bà T có nói bà nợ 1.000.000.000đồng nên gia đình anh có thỏa thuận bán đất như trên sau đó bà T thông báo còn nợ một khoản tiền nợ lớn nữa nên anh và ông L không còn khả năng phụ bà T trả tiền.

Do đó, nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là giao dịch của bà T không có liên quan gì đến anh và cha anh nên anh không đồng ý cùng bà T trả nợ cho hụi viên.

Bà T chết ngày 23/4/2021. Nhân thân của bà T như sau: Cha bà T là ông Lê Văn Tr (đã chết), mẹ bà T là bà Nguyễn Thị K, chồng bà T là ông Hồ Văn L, các con bà T gồm anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M và chị Hồ Thị L. Ngoài ra, bà T không còn con riêng hoặc con nuôi nào khác. Khi bà T chết không để lại di chúc và cũng không để lại bất cứ tài sản nào do trước đó đã bán toàn bộ tài sản để trả nợ.

Về khoản nợ mà bà T thừa nhận, anh không có tham gia chơi hụi nên không biết chính xác số nợ nhưng anh nghĩ là đúng. Nay bà T không còn tài sản gì để thi hành án. Anh không đồng ý dùng tài sản cá nhân để trả nợ cho bà T.

* Tại Bản tự khai ngày 21 tháng 6 năm 2021, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T chị Hồ Thị L trình bày: Chị là con ruột của bà Lê Thị T và ông

Hồ Văn L. Chị thống nhất với lời trình bày của anh Hồ Văn M về nhân thân của mẹ chị. Khi mẹ chị chết không để lại di chúc và không để lại bất kì tài sản gì nên chị cũng không được hưởng bất kì phần di sản nào của mẹ chị. Do chị ở xa nên việc chơi hụi giữa mẹ chị và các hụi viên như thế nào chị hoàn toàn không biết. Vì vậy, chị không đồng ý trả nợ thay cho mẹ chị và cũng không có được chia thừa kế để thực hiện nghĩa vụ của mẹ chị. Qua yêu cầu của nguyên đơn, chị có ý kiến như sau: Về khoản nợ thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định. Về trách nhiệm trả nợ thì chị không đồng ý trả nợ thay cho mẹ chị.

* Đối với người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T là bà Nguyễn Thị K và anh Hồ Văn S: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn M.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 54.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật, không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn ông Hồ Văn L liên đới cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T ông Hồ Văn L và anh Hồ Văn M, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T chị Hồ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T bà Nguyễn Thị K và anh Hồ Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M và bị đơn bà Lê Thị T trình bày thống nhất với nhau các nội dung sau: Anh Nguyễn Văn M có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị T làm chủ dây hụi 2.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khởi khui ngày 15/5/2018 (âm lịch), hụi gồm 29 phần, anh M tham gia 01 phần và đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 27 thì hụi bị ngừng do vào tháng 7/2020 (âm lịch)

bà T tuyên bố vỡ hụi. Bà T còn nợ anh M số tiền 54.000.000đồng đến nay chưa trả. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà T còn nợ anh M số tiền nợ hụi là 54.000.000đồng.

[2.2] Anh M yêu cầu ông L và bà T phải cùng trả nợ cho anh vì ông L và bà T là vợ chồng. Bà T và ông L đều xác định đây là nghĩa vụ riêng của bà T do ông L không có làm chủ hụi, bà T giao dịch với các hụi viên tại quán buôn bán riêng nên ông L không biết, đồng thời, ông L có thu nhập từ nghề trồng khóm đủ để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình nên ông L không có nghĩa vụ gì đối với khoản nợ này. Xét thấy: Bà T và ông L là vợ chồng hợp pháp chung sống với nhau từ năm 1986. Tuy ông L không tham gia chơi hụi cùng bà T và cũng không biết bà T giao dịch với hụi viên nào nhưng ông L biết việc bà T làm chủ hụi đã hơn 10 năm, thời gian này ông bà vẫn là vợ chồng hợp pháp, vẫn sống chung, sinh hoạt chung, mặc dù mỗi người đều tạo ra nguồn thu nhập khác nhau nhưng quá trình chung sống thu nhập từ tiền hụi của bà T được nhập vào thu nhập chung của gia đình giải quyết cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, khi bà T thông báo nợ hụi ông L cũng đồng ý bán tài sản chung của gia đình để thanh toán nợ cho các hụi viên. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định đây là nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên ông L phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T thanh toán nợ cho anh M theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T chết vào ngày 23/4/2021. Bà T chết không để lại di chúc. Căn cứ Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định những người thừa kế theo pháp luật của bà T gồm: mẹ bà T là bà Nguyễn Thị K, chồng bà T là ông Hồ Văn L, các con bà T gồm anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M và chị Hồ Thị L. Những người thừa kế của bà T vừa nêu trong phạm vi di sản của bà T để lại phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Hồ Văn L thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh Nguyễn Văn M theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Hồ Văn M liên đới cùng các bị đơn khác trả tiền cho nguyên đơn. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ khoản 2 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của đương sự, anh Hồ Văn M không phải liên đới cùng những người thừa kế của bà Lê Thị T và ông Hồ Văn L trả nợ cho nguyên đơn.

[2.5] Nguyên đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật, những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà T và ông L không đồng ý. Xét thấy, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng thỏa thuận. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hụi cho hụi viên theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ giao hụi của chủ hụi theo quy định tại các Điều 280 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ giao hụi khi đến hạn, nay lại xin kéo dài thời hạn trả nợ là gây thiệt thòi cho quyền lợi của nguyên đơn và không được nguyên đơn chấp nhận nên yêu cầu thực hiện nghĩa vụ ngay khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về lãi suất do các bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.7] Do các đương sự không có thỏa thuận về việc trả lãi nên lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có phần phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần phù hợp.

[4] Về án phí sơ thẩm: Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T gồm bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Văn L, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M và chị Hồ Thị L trong phạm vi di sản thừa kế của bà Lê Thị T để lại cùng ông Hồ Văn L có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, khoản 2 Điều 357, 471 và 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn M.

Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T gồm bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Văn L, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M và chị Hồ Thị L liên đới với bị đơn ông Hồ Văn L phải trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn M số tiền nợ hụi là 54.000.000đồng (năm mươi bốn triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn anh Nguyễn Văn M có yêu cầu thi hành án, nếu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T gồm bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Văn L, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M và chị Hồ Thị L, bị đơn ông Hồ Văn L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T gồm bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Văn L, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M và chị Hồ Thị L chỉ phải chịu trách nhiệm trả các khoản nghĩa vụ trên cho anh Nguyễn Văn M trong phạm vi di sản của bà Lê Thị T để lại.

2/ Về án phí:

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T gồm bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Văn L, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M và chị Hồ Thị L trong phạm vi di sản của bà Lê Thị T để lại và bị đơn ông Hồ Văn L phải chịu 2.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn M 1.350.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 20892 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP tỉnh Tiền Giang.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. TP - TG;
- THADS h.TP - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Trúc